

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 231/2024/TLST- DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1968, Cư trú tại: Thôn G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Đoàn Thị H và bà Trịnh Thị T thống nhất thỏa thuận tính đến ngày 21/4/2025 số tiền bà Trịnh Thị T còn nợ bà Đoàn Thị H là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng).

- Bà Đoàn Thị H và bà Trịnh Thị T thống nhất thỏa thuận bà Trịnh Thị T có nghĩa vụ phải trả cho bà Đoàn Thị H số tiền còn nợ là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Tổng số tiền phải trả là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng).

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành của Trịnh Thị T. Số tiền án phí Trịnh Thị T phải chịu là 7.175.000 đồng (Bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị H số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003121 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Yên Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Phú